

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 9
NĂM 2017

STT	Mã số đăng ký	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng		Môn dự tuyển	Dự tuyển vào trường	Điểm trung bình các	Điểm tốt nghề nghiệp (thang)	Điểm kiến thức chung	Điểm sát hạch (hệ số)	Tổng cộng
			Nam	Nữ							
1	Q9_1716	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		26/08/1992	Mầm non	Long Bình	80.00	90.00	21.3	150.90	320.90
2	Q9_1715	Phạm Thị Ngọc Tuyết		11/02/1992	Mầm non	Long Bình	66.30	75.00	11.5	143.80	285.10
3	Q9_17100	Phạm Huỳnh Ngọc Diễm		24/10/1995	Mầm non	Long Bình	73.80	73.80	29.0	144.80	292.40
4	Q9_17127	Nguyễn Thị Thanh Giang		20/2/1992	Mầm non	Long Bình	67.20	75.00	13.0	141.20	283.40
5	Q9_17119	Hà Mỹ Nhung		21/01/1995	Mầm non	Long Phước	79.00	79.00	3.5	131.80	289.80
6	Q9_1751	Nguyễn Thị Hồng Loan		29/11/1987	Mầm non	Long Thạnh Mỹ	78.00	80.00	17.5	148.20	306.20
7	Q9_1766	Trần Thị Kim Yến		12/08/1984	Mầm non	Long Sơn	67.00	57.00	11.0	122.60	246.60
8	Q9_17132	Nguyễn Vũ Kim Bạch Tuyết		9/8/1988	Mầm non	Long Sơn	67.40	70.00	13.5	140.40	277.80
9	Q9_17149	Lê Hồng Nguyên		07/07/1997	Mầm non	Tân Phú	63.00	68.30	2.0	94.80	226.10
10	Q9_1719	Đinh Nguyễn Hồng Hạnh		11/04/1983	Mầm non	Tuổi Thơ	69.90	75.00	10.0	131.40	276.30
11	Q9_1756	Nguyễn Thị Hương		20/06/1987	Mầm non	Trường Thạnh	65.00	65.00	8.0	137.20	267.20
12	Q9_1747	Tô Thị Kim Thanh		25/11/1991	Mầm non	Trường Thạnh	69.00	75.00	11.8	114.70	258.70
13	Q9_1750	Lưu Thị Tiên		16/06/1984	Mầm non	Trường Thạnh	68.70	70.00	19.0	143.80	282.50
14	Q9_1791	Vũ Thị Thắng		10/12/1980	Mầm non	Trường Thạnh	69.30	75.00	15.3	150.10	294.40
15	Q9_17113	Hoàng Thị Khánh		20/10/1996	Mầm non	Trường Thạnh	75.00	77.00	21.5	161.40	313.40
16	Q9_17133	Nguyễn Thị Phương		20/12/1982	Mầm non	Vàng Anh	66.50	67.00	1.0	116.60	250.10
17	Q9_1718	Đinh Thị Thu Hiền		19/8/1996	Nhiều môn	Đinh Tiên Hoàng	78.60	78.60	10.5	105.25	262.45
18	Q9_1728	Lâm Thị Minh Hiệp		31/03/1976	Nhiều môn	Đinh Tiên Hoàng	66.60	60.00	11.5	105.50	232.10
19	Q9_1737	Nguyễn Đỗ Uyên Phương		25/6/1991	Nhiều môn	Đinh Tiên Hoàng	63.30	55.00	19.0	148.25	266.55
20	Q9_1772	Nguyễn Huỳnh Như		06/12/1995	Nhiều môn	Đinh Tiên Hoàng	77.30	77.30	28.5	154.25	308.85
21	Q9_1725	Nguyễn Thị Hồng Trang		19/2/1995	Nhiều môn	Đinh Tiên Hoàng	66.00	80.00	8.0	110.50	256.50

STT	Mã số đăng ký	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng		Môn dự tuyển	Dự tuyển vào trường	Điểm trung bình các	Điểm tốt nghề (thang	Điểm kiến thức chung	Điểm sát hạch (hệ số	Tổng cộng
			Nam	Nữ							
22	Q9_1752	Trương Thị Thanh Thủy		24/11/1981	Nhiều môn	Đình Tiên Hoàng	66.50	55.00	22.3	113.00	234.50
23	Q9_1765	Trương Thanh Loan		6/10/1990	Nhiều môn	Đình Tiên Hoàng	61.60	55.00	7.3	80.50	197.10
24	Q9_1798	Lê Thị Thu Hương		30/11/1994	Nhiều môn	Đình Tiên Hoàng	75.70	75.70	30.0	138.25	289.65
25	Q9_1727	Phan Tử Trúc Phương		05/01/1993	Nhiều môn	Đình Tiên Hoàng	66.20	50.00	23.5	163.50	279.70
26	Q9_17147	Vũ Hải Nam		27/5/1987	Nhiều môn	Đình Tiên Hoàng	66.30	55.00	23.0	116.75	238.05
27	Q9_17124	Nguyễn Thị Phương		9/1/1989	Nhiều môn	Đình Tiên Hoàng	66.00	60.00	23.5	129.75	255.75
28	Q9_17143	Nguyễn Thị Ngọc Thạch		25/09/1986	Nhiều môn	Đình Tiên Hoàng	68.40	69.00	5.3	83.75	221.15
29	Q9_17148	Đặng Thị Tuyết Tri		15/07/1986	Nhiều môn	Hiệp Phú	69.00	69.00	29.3	143.50	281.50
30	Q9_1771	Trần Thị Quỳnh		02/08/1995	Nhiều môn	Hiệp Phú	78.30	78.30	24.0	144.50	301.10
31	Q9_1761	Trương Thanh Trúc		05/08/1986	Nhiều môn	Hiệp Phú	62.50	50.00	8.0	102.25	214.75
32	Q9_1730	Trần Thị Hồng		22/11/1987	Nhiều môn	Hiệp Phú	63.60	50.00	14.0	110.25	223.85
33	Q9_1775	Lê Thị Phương Thủy		01/06/1981	Nhiều môn	Hiệp Phú	65.60	65.60	25.0	160.75	291.95
34	Q9_1794	Nguyễn Thị Lân		27/04/1973	Nhiều môn	Hiệp Phú	66.80	55.00	4.0	85.75	207.55
35	Q9_17104	Trịnh Thị Hồng		30/09/1992	Nhiều môn	Hiệp Phú	61.90	50.00	21.0	154.00	265.90
36	Q9_1710	Bùi Thị Thanh Nga		01/11/1986	Nhiều môn	Hiệp Phú	64.40	55.00	13.5	98.50	217.90
37	Q9_1785	Phạm Thị Thu Thủy		7/5/1994	Nhiều môn	Long Phước	67.00	50.00	24.0	117.50	234.50
38	Q9_17106	Đặng Thị Oanh Kiều		24/09/1991	Nhiều môn	Long Phước	60.60	50.00	2.5	102.50	213.10
39	Q9_17112	Ngô Đức Thụy	02/06/1992		Thể dục	Long Thạnh Mỹ	70.00	70.00	16.0	134.50	274.50
40	Q9_1731	Bùi Sơn Thảo		19/10/1979	Nhiều môn	Nguyễn Minh Quang	58.20	55.00	8.0	128.25	241.45
41	Q9_1735	Hứa Nguyễn Kim Huyền		20/01/1987	Nhiều môn	Nguyễn Minh Quang	75.30	75.00	23.0	144.00	294.30
42	Q9_17130	Nguyễn Thị Thu Thủy		05/06/1976	Nhiều môn	Phong Phú	59.40	50.00	15.5	108.50	217.90
43	Q9_1722	Hồng Thị Phương Thảo		03/02/1990	Nhiều môn	Phú Hữu	63.70	50.00	10.5	113.25	226.95
44	Q9_1793	Phạm Thị Diễm Hương		24/10/1993	Nhiều môn	Phú Hữu	67.00	50.00	19.5	130.75	247.75
45	Q9_1792	Nguyễn Thị Nguyệt		10/8/1992	Nhiều môn	Phú Hữu	65.70	60.00	12.5	113.50	239.20
46	Q9_1796	Trần Thị Hiền		03/02/1989	Nhiều môn	Phú Hữu	63.10	50.00	17.5	122.25	235.35
47	Q9_17121	Trần Thị Xuân		3/10/1987	Nhiều môn	Phú Hữu	66.80	70.00	15.5	119.00	255.80
48	Q9_1759	Đoàn Thị Mùa		15/08/1984	Nhiều môn	Phước Bình	78.00	78.00	18.5	143.25	299.25
49	Q9_1701	Lê Thị Kim Phượng		25/02/1985	Nhiều môn	Phước Thạnh	69.20	50.00	28.8	142.25	261.45

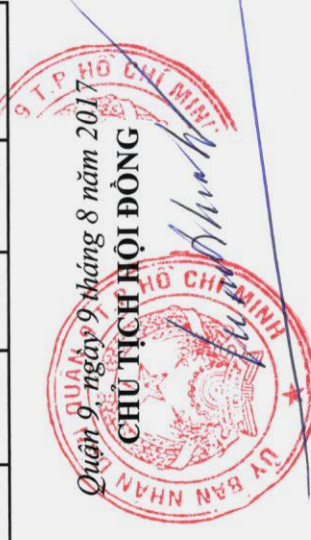
STT	Mã số đăng ký	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng		Môn dự tuyển	Dự tuyển vào trường	Điểm trung bình các	Điểm tốt nghề nhiệp (thang	Điểm kiến thức chung	Điểm sát hạch (hệ số	Tổng cộng
			Nam	Nữ							
50	Q9_1720	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		4/2/1984	Nhiều môn	Phước Thạnh	64.00	50.00	16.5	129.50	243.50
51	Q9_1703	Phạm Kim Thanh		07/04/1992	Nhiều môn	Phước Thạnh	60.80	50.00	14.0	113.25	224.05
52	Q9_1781	Nguyễn Thị Lương		19/10/1984	Nhiều môn	Phước Thạnh	59.60	55.00	17.5	135.00	249.60
53	Q9_1743	Tôn Thị Hương Giang		13/9/1989	Nhiều môn	Phước Thạnh	64.10	55.00	6.0	111.00	230.10
54	Q9_1745	Vương Thị Kim Cúc		7/1/1992	Nhiều môn	Phước Thạnh	67.20	50.00	15.5	118.50	235.70
55	Q9_1780	Lê Thị Kim Oanh		8/3/1979	Nhiều môn	Phước Thạnh	60.50	50.00	1.5	83.25	193.75
56	Q9_1762	Trần Thị Mai Vy		02/12/1995	Nhiều môn	Phước Thạnh	75.00	75.00	21.0	125.50	275.50
57	Q9_1768	Nguyễn Thị Thu Phương		13/12/1995	Nhiều môn	Phước Thạnh	72.70	72.70	3.5	79.75	225.15
58	Q9_1769	Kiều Thị Mộng Thi		14/10/1993	Nhiều môn	Phước Thạnh	70.70	70.70	5.0	90.75	232.15
59	Q9_1784	Trần Thị Thùy Tiên		19/11/1992	Nhiều môn	Phước Thạnh	65.60	55.00	5.5	101.50	222.10
60	Q9_1789	Trần Thanh Hà		07/07/1985	Nhiều môn	Phước Thạnh	69.40	55.00	8.5	99.00	223.40
61	Q9_17103	Nguyễn Thị Hiệp		8/6/1988	Nhiều môn	Phước Thạnh	67.40	67.40	5.5	104.50	239.30
62	Q9_17111	Tô Thị Hồng Vân		12/12/1996	Nhiều môn	Phước Thạnh	75.80	75.80	8.5	98.25	249.85
63	Q9_17123	Tô Thị Bích Huyền		18/10/1987	Nhiều môn	Phước Thạnh	62.80	50.00	13.0	102.50	215.30
64	Q9_17105	Nguyễn Thị Ngọc Mai		16/11/1974	Nhiều môn	Phước Thạnh	66.70	55.00	12.5	99.00	220.70
65	Q9_17137	Lê Thị Hồng Diệu		30/04/1984	Nhiều môn	Phước Thạnh	62.10	50.00	22.5	146.50	258.60
66	Q9_1712	Kiều Thanh Tâm		14/9/1995	Nhiều môn	Tạ Uyên	77.30	77.30	17.0	129.00	283.60
67	Q9_1739	Nguyễn Hoài Thương		17/05/1995	Nhiều môn	Tạ Uyên	81.20	100.00	26.0	140.25	321.45
68	Q9_1711	Nguyễn Ngọc Thảo		17/08/1990	Nhiều môn	Tạ Uyên	72.90	80.00	16.0	121.25	274.15
69	Q9_1732	Nguyễn Thị Thi Thơ		26/03/1995	Nhiều môn	Tạ Uyên	84.00	97.00	26.5	140.50	321.50
70	Q9_1787	Nguyễn Thị Bảo Yến		10/8/1988	Nhiều môn	Tạ Uyên	63.00	50.00	28.0	141.00	254.00
71	Q9_1705	Hà Thị Thơm Trương		13/7/1984	Nhiều môn	Tạ Uyên	67.40	50.00	16.0	136.75	254.15
72	Q9_17153	Trần Quế Hương		31/3/1985	Âm nhạc	Tạ Uyên	59.30	59.30	10.0	114.25	232.85
73	Q9_1708	Nguyễn Thị Kim Chi		11/6/1983	Nhiều môn	Tân Phú	64.00	50.00	23.5	136.00	250.00
74	Q9_1707	Mai Phương Hồng Nhung		18/09/1993	Nhiều môn	Tân Phú	61.50	55.00	3.0	82.50	199.00
75	Q9_1736	Nguyễn Thị Hoàng Lan		17/1/1981	Nhiều môn	Tân Phú	65.80	50.00	8.0	91.75	207.55
76	Q9_1754	Nguyễn Ngọc Liên Minh		12/5/1994	Nhiều môn	Tân Phú	75.80	75.80	17.5	117.00	268.60
77	Q9_17139	Phan Thị Đình		29/02/1988	Nhiều môn	Tân Phú	67.10	70.00	8.5	100.00	237.10

STT	Mã số đăng ký	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng		Môn dự tuyển	Dự tuyển vào trường	Điểm trung bình các	Điểm tốt nghề nghiệp (thang)	Điểm kiến thức chung	Điểm sát hạch (hệ số)	Tổng cộng
			Nam	Nữ							
78	Q9_1773	Mai Văn Cẩn	02/01/1996		Nhiều môn	Tân Phú	87.00	82.00	5.0	110.75	279.75
79	Q9_1782	Đinh Thị Hoàn		24/02/1993	Nhiều môn	Tân Phú	75.10	75.10	26.0	146.25	296.45
80	Q9_1788	Nguyễn Trung Nghĩa	17/02/1984		Nhiều môn	Tân Phú	61.20	50.00	23.0	138.25	249.45
81	Q9_1797	Đặng Thị Thanh Thuận		22/06/1991	Nhiều môn	Tân Phú	65.00	50.00	9.0	97.25	212.25
82	Q9_17111	Mai Hồng Châu		11/03/1977	Nhiều môn	Tân Phú	66.50	66.50	23.0	142.50	275.50
83	Q9_1778	Nguyễn Thị Bảo Trân		18/09/1984	Nhiều môn	Tân Phú	60.20	50.00	2.0	99.50	209.70
84	Q9_1729	Nguyễn Trung Hậu	29/07/1991		Âm nhạc	Tân Phú	71.80	90.50	15.5	141.00	303.30
85	Q9_1704	Nguyễn Thị Chi		01/02/1984	Nhiều môn	Trường Thạnh	66.30	50.00	24.5	140.50	256.80
86	Q9_1721	Nguyễn Thùy Hoa Trâm		3/6/1991	Nhiều môn	Trường Thạnh	71.00	75.00	10.0	121.25	267.25
87	Q9_1770	Nguyễn Thị Ngọc Dung		01/08/1994	Nhiều môn	Trường Thạnh	65.20	50.00	24.0	146.00	261.20
88	Q9_1760	Trần Thu Hương		26/07/1993	Nhiều môn	Trường Thạnh	64.60	55.00	27.5	156.75	276.35
89	Q9_1702	Đào Thị Kim Thoa		18/2/1993	Nhiều môn	Trương Văn Thành	64.10	55.00	7.5	130.50	249.60
90	Q9_1706	Phạm Ngọc Hoàng Yến		22/11/1987	Nhiều môn	Trương Văn Thành	64.00	55.00	3.0	92.25	211.25
91	Q9_1763	Đinh Thị Hồng Dung		25/05/1995	Nhiều môn	Trương Văn Thành	72.30	75.00	23.8	134.50	281.80
92	Q9_1755	Nguyễn Phụng Trúc Giang		28/07/1992	Nhiều môn	Trương Văn Thành	72.80	70.00	15.0	116.50	259.30
93	Q9_1753	Lê Thanh Thảo		7/1/1992	Nhiều môn	Trương Văn Thành	63.10	50.00	24.0	136.00	249.10
94	Q9_17125	Nguyễn Thị Ngọc Lan		30/12/1986	Nhiều môn	Trương Văn Thành	68.50	70.00	24.0	147.00	285.50
95	Q9_17116	Ngô Thị Bích Loan		24/09/1989	Nhiều môn	Trương Văn Thành	73.90	65.00	23.5	168.50	307.40
96	Q9_17108	Châu Ngọc Lệ		28/08/1976	Ngữ văn	Tân Phú	68.50	70.00	18.0	129.00	267.50
97	Q9_1734	Nguyễn Thị Hiền		01/04/1992	Ngữ văn	Tăng Nhơn Phú B	70.00	70.00	19.5	153.00	293.00
98	Q9_17128	Phan Thị Quý Như		11/09/1993	Ngữ văn	Tăng Nhơn Phú B	65.90	65.90	6.0	95.25	227.05
99	Q9_17109	Nguyễn Thị Kim Thảo		22/04/1990	Ngữ văn	Tăng Nhơn Phú B	66.80	55.00	5.5	117.00	238.80
101	Q9_1767	Trần Thị Ái		28/08/1987	Ngữ văn	Tăng Nhơn Phú B	62.30	55.00	5.5	83.25	200.55
100	Q9_17107	Lê Thị Lành		04/03/1990	Ngữ văn	Trường Thạnh	72.10	72.10	18.5	143.75	287.95
102	Q9_17136	Vũ Thị Lan		28/1/1992	Văn_TPT	Long Bình	71.70	71.70	3.0	114.75	258.15
103	Q9_1744	Hà Văn Minh		3/7/1988	Lịch sử	Đặng Tấn Tài	73.50	80.00	16.5	147.25	300.75
104	Q9_1795	Nguyễn Thị Thu Hiền		11/1/1987	Lịch sử	Trường Thạnh	77.40	95.00	12.5	146.50	318.90
105	Q9_17142	Lê Thị Phương		19/09/1981	Lịch sử	Trường Thạnh	70.10	70.10	16.5	120.75	260.95

STT	Mã số đăng ký	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng		Môn dự tuyển	Dự tuyển vào trường	Điểm trung bình các	Điểm tốt nghề nghiệp (thang)	Điểm kiến thức chung	Điểm sát hạch (hệ số)	Tổng cộng
			Nam	Nữ							
106	Q9_17134	Nguyễn Thị Diệu		06/01/1992	Lịch sử	Tân Phú	73.00	73.00	25.5	164.50	310.50
107	Q9_1713	Nguyễn Phương Hạnh		2/11/1985	Địa lý	Hưng Bình	68.40	68.40	14.0	109.50	246.30
108	Q9_17120	Trần Thị Huyền		20/06/1993	Địa lý	Tăng Nhơn Phú B	79.70	97.00	25.0	167.25	343.95
109	Q9_1777	Phan Thị Thùy		26/4/1992	Địa lý	Tân Phú	75.70	75.70	29.8	170.75	322.15
110	Q9_1714	Nguyễn Kim Yến		23/05/1989	Tiếng Anh	Hưng Bình	69.40	69.40	11.8	122.50	261.30
111	Q9_1724	Nguyễn Thị Thu Hiền		4/8/1994	Tiếng Anh	Hưng Bình	76.00	76.00	15.5	130.00	282.00
112	Q9_17150	Trần Thị Phước Hiệp		28/12/1981	Tiếng Anh	Long Trường	60.80	60.80	10.8	118.00	239.60
113	Q9_17114	Nguyễn Thanh Tú	8/4/1986		Tiếng Anh	Long Trường	65.10	65.10	8.5	133.00	263.20
114	Q9_17149	Ngô Thị Ngọc Trinh		21/1/1988	Tiếng Anh	Long Trường	64.40	64.40	11.8	95.00	223.80
115	Q9_1709	Huỳnh Mai Thùy		21/01/1993	Tiếng Anh	Tân Phú	69.40	69.40	12.3	108.00	246.80
116	Q9_17145	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn		4/6/1983	Tiếng Anh	Tân Phú	72.50	72.50	19.5	146.75	291.75
117	Q9_17135	Nguyễn Thị Tú Trinh		08/02/1985	Tiếng Anh	Tân Phú	56.60	56.60	21.8	130.50	243.70
118	Q9_17131	Lê Ngọc Mùi		24/7/1991	Tiếng Anh	Phước Bình	65.80	65.80	9.5	127.00	258.60
119	Q9_17140	Nguyễn Thị Hà		13/09/1990	Tiếng Anh	Tăng Nhơn Phú B	69.10	69.10	26.5	175.50	313.70
120	Q9_1741	Nguyễn Ngọc Tô Trinh		17/07/1988	Tiếng Anh	Tăng Nhơn Phú B	56.60	52.50	12.0	128.25	237.35
121	Q9_17110	Nguyễn Thị Nguyệt		17/10/1992	Tiếng anh	Tăng Nhơn Phú B	72.60	72.60	18.0	122.50	267.70
122	Q9_1740	Nguyễn Hạnh Huyền		9/1/1983	Toán	Đặng Tấn Tài	66.90	86.30	28.5	174.67	327.87
123	Q9_1774	Phan Thị Hiệp		14/5/1990	Toán	Long Phước	68.00	70.00	23.5	143.00	281.00
124	Q9_17115	Lại Đức Ngọc	6/6/1993		Toán_TPT	Phú Hữu	71.40	71.40	15.0	134.67	277.47
125	Q9_1779	Đỗ Thị Thùy		5/11/1987	Toán	Phước Bình	67.90	75.00	28.0	173.33	316.23
126	Q9_1723	Lê Minh Dũng	10/2/1974		Toán	Tân Phú	69.90	69.90	11.5	123.00	262.80
127	Q9_1717	Mai Thị Trang		14/05/1990	Toán	Tăng Nhơn Phú B	68.00	68.00	29.5	169.33	305.33
128	Q9_1783	Hồ Thị Nhung		25/07/1993	Toán	Trường Thạnh	69.20	74.00	19.5	143.00	286.20
129	Q9_17151	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		20/01/1996	Toán	Trường Thạnh	81.20	95.00	20.8	138.50	314.70
130	Q9_17141	Nguyễn Thị Huyền Anh		03/01/1990	Vật lý	Long Bình	74.30	85.00	20.5	144.00	303.30
131	Q9_17118	Phạm Thị Minh Thi		11/10/1982	Vật lý	Long Bình	65.00	60.00	12.0	117.00	242.00
132	Q9_1742	Trần Thị Ngọc Mến		2/10/2987	Vật lý	Long Trường	71.40	85.00	29.5	164.50	320.90
133	Q9_17102	Nguyễn Thị Quỳnh		12/02/1987	Vật lý	Long Trường	77.20	85.00	8.3	113.50	275.70

STT	Mã số đăng ký	Họ và tên thí sinh	Ngày tháng		Môn dự tuyển	Dự tuyển vào trường	Điểm trung bình các	Điểm tốt nghề nghiệp (thang)	Điểm kiến thức chung	Điểm sát hạch (hệ số)	Tổng cộng
			Nam	Nữ							
134	Q9_ 1786	Đỗ Thị Hạnh		22/10/1987	Vật lý	Long Trường	63.00	63.00	12.8	119.00	245.00
135	Q9_ 1733	Đậu Nữ Ánh Sương		28/10/1994	Sinh học	Phước Bình	68.90	68.90	15.5	130.50	268.30
136	Q9_ 1776	Trần Khánh Huyền		13/07/1995	Sinh học	Long Bình	70.50	70.50	30.0	170.00	311.00
137	Q9_ 1726	Nguyễn Thị Sen		07/03/1991	Kỹ thuật công nghiệp	Long Trường	77.00	97.00	20.0	149.75	323.75
138	Q9_ 1746	Văn Thành Sĩ	1/10/1981		Thẻ dục	Đặng Tấn Tài	61.40	61.40	21.5	147.00	269.80
139	Q9_ 17126	Dụng Hữu Thảo	17/08/1995		Thẻ dục	Hưng Bình	82.50	82.50	5.3	109.25	274.25
140	Q9_ 1757	Vì Thành Hải	04/11/1991		Thẻ dục	Phú Hữu	73.50	73.50	3.5	103.50	250.50
141	Q9_ 1748	Võ Văn Tiếp	25/05/1989		Thẻ dục	Phú Hữu	64.00	60.00	4.5	111.50	235.50
142	Q9_ 1799	Nguyễn Quốc Vinh	19/01/1991		Thẻ dục	Phú Hữu	69.70	72.00	9.5	117.00	258.70
143	Q9_ 1790	Nguyễn Quốc Cường	28/07/1986		Thẻ dục	Phú Hữu	68.50	73.00	8.5	116.00	257.50
144	Q9_ 1758	Trương Minh Hùng		12/08/1991	Thẻ dục	Tân Phú	64.00	64.00	6.5	122.00	250.00
145	Q9_ 17122	Hồ Thị Thu Trang		30/7/1987	Tin học	Long Trường	72.30	82.30	11.5	133.00	287.60
146	Q9_ 1738	Nguyễn Thị Thanh Hồng		5/10/1987	Tâm lý	Đặng Tấn Tài	79.90	80.00	16.0	144.50	304.40

Tổng cộng danh sách có 146 ứng viên.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Nguyễn Ngọc Cường